HỘI TƯ VĂN TỈNH NGHỆ AN QUA TƯ LIỆU TỤC LỆ CỔ TRUYỀN

■ Lê Thị Thu Hương

Với vai trò là tổ chức hội của những người trí thức tại địa phương, Hội Tư văn tỉnh Nghệ An được ghi chép khá nhiều trong các văn bản tục lệ Hán Nôm. Văn bản sớm nhất là bản Hương khoán thôn Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu lập vào năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660). Tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Khoa học xã hội, theo thống kê của chúng tôi tính đến thời điểm hiện nay, có 33 văn bản tục lệ ghi chép các điều ước của Hội Tư văn. Qua đó thấy rõ được những quy định trong hoạt động của hội: gia nhập hội, tế tự, chúc mừng, biếu phần, vinh quy, ruộng tư văn... Tục lệ Hán Nôm về Hội Tư văn của Nghệ An là nguồn tư liệu quý, góp phần tìm hiểu quy định, chính sách tại các làng xã bên cạnh những văn bản hành chính cấp nhà nước.

1. Nguồn tư liệu

Hội Tư văn là tổ chức gồm những người đỗ đạt và Nho sĩ. Họ đã trải qua quan trường và về trí sĩ hoặc không tham gia quan trường ở lại quê tham gia vào bộ máy chức dịch, làm thầy đồ dạy học, làm thầy thuốc trị bệnh cứu người[1]. *Tiên hiền từ bi* 先贤祠碑[2] dựng năm Sùng Khang thứ 9 (1576) là văn bia có niên đại sớm nhất đề cập đến Hội Tư văn. Nội dung bia thuật lại việc Hội Tư văn huyện Minh Tân ghi tên 12 tổng với 212 người đại diện tham gia, trong đó có 11 người làm Văn trưởng, tham gia xây dựng đền thờ Tiên hiền[3]. Tư liệu tục lệ sớm nhất đề cập đến hoạt động của Hội Tư văn Nghệ An là bản *Hội khoán* của thôn Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, được lập vào năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) và tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung cho đến năm Tự Đức thứ 5 (1852). Ra đời vào thế kỷ XVI, Hội Tư văn phát triển mạnh ở thế kỷ XVII theo ba cấp độ: huyện, tổng, xã; trong đó Hội Tư văn cấp xã phát triển mạnh nhất, tập trung chủ yếu ở những địa phương có truyền thống hiếu học và khoa bảng[4].

Nghệ An - vùng đất hiếu học và khoa bảng, Hội Tư văn ở Nghệ An ra đời sớm và hoạt động rất hiệu quả, điều đó được phản ánh rõ qua tư liệu tục lệ Hán Nôm. Bước đầu chúng tôi thống kê được 33 văn bản tục lệ có ghi chép các điều lệ về Hội Tư văn tỉnh Nghệ An hiện đang lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.

Các văn bản này trải khắp các huyện trong tỉnh, tập trung chủ yếu ở huyện Hưng Nguyên (20 văn bản), rải rác ở huyện Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Nam Đàn... hầu hết lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, duy nhất có bản 興元府扶龍總楊舍社柳川村條例, HƯN. 811 tại Thư viện Thông tin Khoa học xã hội. Hiện tượng bổ biên điều ước xuất hiện trong nhiều văn bản tục lệ, vì vậy có nhiều niên đại trên cùng một văn bản. Bản *Hương khoán* thôn Quỳnh Đôi cũng là bản bổ sung điều ước nhiều nhất, tổng cộng là 44 lần trong thời gian là 218 năm, trải qua 11

triều vua, từ năm Dương Hòa thứ 4 (1638) cho đến năm Tự Đức thứ 9 (1856). Điều đó cho thấy, cùng sự phát triển của về kinh tế, văn hóa, xã hội, tục lệ các làng xã tỉnh Nghệ An cũng đã thay đổi, cải biến để phù hợp với tình hình thực tế.

2. Những quy định về hoạt động của Hội Tư văn tỉnh Nghệ An

Cũng như các tổ chức xã hội khác, ngay từ khi ra đời, Hội Tư văn các cấp đã đề ra tôn chỉ hoạt động với những quy định riêng rất chặt chẽ, nhằm đề cao Nho học, tôn vinh các bậc Thánh hiền, Tiên hiền, người đỗ đạt khoa trường ở địa phương.

2.1. Gia nhập Hội Tư văn: Là tổ chức của những người có học, điều kiện tiên quyết của những người muốn gia nhập Hội Tư văn phải là người biết chữ Hán, chữ Nôm. Cao hơn nữa là những "người có văn bằng, sắc mệnh, khoa trường, thi trúng nhị trường, tam trường mới cho phép nhập Hội Tư văn" (乂安省興元府扶龍總扶舍村俗例, AF b1/14, t.9b). Xã Yên Vinh, tổng Yên Trường, thôn Phù Xá, tổng Phù Long quy định "Trong xã người thi trúng nhất nhị trường, thí sinh, khóa sinh, Chánh phó Lý trưởng mà không sai phạm, con cháu các bậc tiên hiền mà biết lễ mới được nhập Hội Tư văn" (乂安省興元府安場總安榮社俗例, AFb1/2, 14a). Ngoài tiêu chuẩn về học vấn, Hội Tư văn còn có những quy định về nhân cách của hội viên: "Phàm người dự nhập Tư văn đều nên giữ lễ, nếu buông thả, rượu chè, nói năng tùy tiện, ngang ngược không theo phép tắc định phạt không tha, truất xuống một cấp để làm nghiêm văn phong".

Vào những năm cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX khi khoa mục sơ sài, binh biến, người theo học ngày càng lười nhác, điều lệ gia nhập Hội Tư văn của nhiều địa phương có sự thay đổi linh hoạt, sao cho phù hợp với thời cuộc, trong đó có thôn Quỳnh Đôi, xã Quỳnh Lưu, nơi có truyền thống hiếu học và khoa bảng hàng đầu cả nước: "Ngày 20 tháng 12 năm thứ 3 niên hiệu Quang Trung (1790) cùng nhau bàn bạc: từ trước những người trong Văn hội dự trúng khoa trường mới được ghi vào sổ của hội. Nhưng lâu nay khoa mục sơ sài, nên cùng bàn, phàm con em những nhà danh giá nếu có văn học ứng theo lệ cũ, cho nộp vọng tiền cho phép (ghi tên) vào sổ của hội. Phàm có việc tế lễ, áo mũ chỉnh tề hành lễ để mở rộng tư đạo, kéo dài mạch văn. Hễ ai ở Hội Tư văn thì phải khiêm tốn, nhún nhường, khi ở trong hội không được vì ý riêng của mình gây cãi lộn, những người không tuân theo, làm ngược lại sẽ bị phạt, người nào chống lại sẽ bị cắt (tên) khỏi sổ của hội". Những người trúng hạng ưu trong cuộc khảo hạch đầu xuân cũng có cơ hội gia nhập Hội Tư văn: "Từ khi có binh biến đến nay, khoa mục sơ sài, người theo học ngày càng lười nhác. Nay có ý giống như việc tuyển chọn ở làng, theo hương lệ, đầu Xuân khảo hạch, đã thành quy định, định ra hễ ai dự trúng hạng ưu trở lên cho nộp vọng tiền, theo lệ cũ được nhập vào sổ của hội để cho thấy sự cấp thiết mà chấn hưng văn phong" (琼堆今事跡鄉编小引, 會券, A.3154, t.26).

2.2. Tế tự: Lễ tế vào ngày Đinh hai tiết Xuân Thu hàng năm nhằm tưởng nhớ, tỏ lòng biết ơn đến các bậc Tiên thánh, Tiên hiền, khuyến khích người dân chăm chỉ học tập, thi cử đỗ đạt, được coi là việc làm chính của Hội Tư văn. Tục lệ xã Yên Phúc, tổng Đô Yên, thôn Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, thôn Nghĩa Sơn, thôn Phúc Hậu, tổng Phù Long, huyện Hưng Nguyên[5] đều ghi rõ quy định thành phần tham dự lễ tế, việc canh tác ruộng tư văn lấy hoa lợi để mua sắm lễ vật cho ngày tế Đinh Xuân Thu... "Ngày 28 tháng 8 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) cùng nhau bàn bạc: trước đây người có khoa trường mới được vào sổ hội, Xuân Thu nhị kỳ dự tế ở Văn chỉ, là ý người xưa khuyến khích sĩ tử, việc đó đã có lâu rồi" (琼堆今事跡鄉编小引, 會券, A.3154, t.28a). Hội Tư văn lo chu tất các việc từ biện lễ vật, viết văn tế, vai trò chủ tế, giữ đồ tế khí, biếu phần… Thôn Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu yêu cầu về người viết văn tế rất cao "Viết văn tế trước tiên là người đỗ đại khoa, rồi đến quan viên, hương lão, tú tài, quyền Đội trưởng, rồi đến Lý trưởng đương nhiệm". Chủ tế trước tiên phải là quan văn, võ đỗ đạt, bậc kỳ lão. Thôn Yên Cư, tổng Phù Long quy định "Bản thôn chọn cử một

viên chính bái phàm người có khoa sắc, nếu không có khoa sắc chọn kỳ lão trong sạch mới được làm chính bái". Thôn Phú Lương, tổng Phú Hậu, huyện Quỳnh Lưu "Trong các kỳ tế tự Hội Tư văn đảm đương việc viết văn từ hành lễ, nghi tiết do câu đương cắt chọn người trong hội, chức chủ tế cũng bầu chọn người trong hội. Người trong hội võ cũng được ứng lễ". Thôn Cự, xã Mỹ Dụ, tổng Đô Yên quy định nếu không có người khoa mục, chủ tế là hạng dân thì phải từ 70 tuổi trở lên.

Không chỉ tham gia với vai trò chính trong các lễ tế đinh Xuân, Thu, Hội Tư văn còn tham dự những lễ tế khác như lễ Cầu khoa, Cầu phúc, lễ hội làng hàng năm. Hội Tư văn thôn Phúc Long tổng Hải Đô phủ Hưng Nguyên quy định "Hễ trước kỳ thi Hương thành tâm biện lễ 1 mâm xôi gà, 1 mâm trầu rượu, hương đèn đủ dùng, các viên chức trong hội áo mũ chỉnh tề làm lễ cầu khoa, sau khi tế xong những người có mặt thụ lộc" (安省興元府海都總福隆村俗例, AF.b1/7, 9a). Hay như thôn Quỳnh Đôi định lệ "trước kỳ thi Hương, thi Hội có Lễ Cầu khoa, điều đó đã có trong lệ cũ, nay lại bàn thêm phàm Lễ Cầu khoa của thi Hương, thi Hội bản hội tập trung ở Văn chỉ, kính dâng một đàn bái yết cầu khoa, tiền lễ trên dưới 10 quan, mãi thành lệ".

2.3. Phụ thờ ở Văn chỉ: Hội Tư văn một số địa phương khác như xã Lương Xá, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, xã Dương Hà, huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Phúc có quy định về việc bầu Hậu hiền đối với những người muốn được thờ tự sau các vị Tiên thánh, Tiên nho tại Văn chỉ sau khi họ qua đời. Để đạt được việc đó Hội Tư văn sẽ nhận tiền hoặc ruộng của họ để cày cấy, lấy hoa màu mua sắm lễ vật phụ vào các kỳ tế tự.

Tại Nghệ An, qua tư liệu tục lệ và văn bia, chúng tôi chưa ghi nhận tục bầu Hậu hiền, song một số nơi Hội Tư văn đã đề ra quy định về việc cho phép những người nào được phụ thờ tại Văn chỉ. Thông thường những người được phụ thờ là những người đỗ đạt khoa trường, có công với thôn xã. Hội Tư văn thôn Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu có quy định chặt chẽ về việc phụ thờ "Ngày mồng 7 tháng 5 năm Tự Đức thứ 5 (1852) cùng nhau bàn bạc: nguyên lệ năm Gia Long quy định gồm những người đỗ các khoa trước, có tên trong sổ hội, ai hoặc không may không có con trai thì cho được phụ thờ, vốn đã có trong điều ước cũ, đó là việc nghĩa nên làm. Song được phụ tế ở Văn chỉ là việc quan trọng, vốn nên xem xét cẩn trọng. Nếu người nào khi sống không làm việc ác, không có điều tiếng mới cho phép liệt vào hàng phụ tế để tỏ rõ sự phân biệt" (琼堆今事跡鄉编小引, 會券, A.3154, t.29b). Hội Tư văn thôn Thái lão, tổng Đô Yên quy định "Trong thôn người nào dự thi đại khoa cùng Cử nhân, Tú tài sau khi 100 tuổi được bản xã rước linh nhập bên hậu Văn chỉ để thờ tự. Nếu người nào học hành nhưng không đỗ đạt, người đó có nhân phẩm con cháu muốn nhập vào Văn chỉ để được phụ thờ thì Hội văn của bản xã phải bàn bạc ký kết, con cháu người đó phải nộp 100 quan tiền 1 mẫu ruộng để làm ruộng tế sau đó mới được thờ tự, ai làm trái không được phép" (乂安省興元府都安總泰老社俗例, AF. b1/5).

2.4. Lễ vinh quy: Vinh quy bái tổ là một nghi lễ dành cho những người sau khi đỗ đạt, vinh hiển trở về quê hương bái yết tổ tiên, ra mắt họ hàng làng xóm. Bên cạnh những quy định của thôn xã về việc đón rước các vị tân khoa, Hội Tư văn cũng đề ra những quy định riêng của bản hội. Thôn Quỳnh Đôi nổi tiếng khoa bảng, từ những năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660), Hội Tư văn thôn đã đề ra những quy định về việc vinh quy bái tổ như "Hội bàn bạc nếu ai thi Hội đỗ Tam khôi Tiến sĩ, khi vinh quy bản hội trên dưới đều phải áo mũ chỉnh tề, tề tựu ở Quỳnh Lâm, mở tiệc ăn uống đón mừng để tỏ ý trọng đạo Thánh hiền và người đỗ đạt khoa trường"(會券, A.3154, tr.21a). Thôn Thành Công, tổng Đô Yên, phủ Hưng Nguyên quy định "Trong hội người trúng nhị, tam trường, người trúng Cử nhân ngày vinh quy bản hội mũ giầy chỉnh tề, áo dài tay màu xanh lam cùng đợi đón tiếp, biện lễ mừng gồm 1 đôi câu đối, 1 buồng cau, 5 quan tiền, 2 bánh pháo đến chúc mừng" (乂安省興元府都安總成功村俗例, AF b1/4, tr.31).

Các vị tân khoa sau lễ vinh quy bái tổ được các thôn xã giành một khoản tiền trong quỹ công của địa phương biện lễ chúc mừng. Bên cạnh đó, Hội Tư văn cũng có những quy định riêng về việc chúc mừng của bản Hội đối với những người đỗ đạt đó. Hội Tư văn xã Yên Phúc, tổng Đô Yên, huyện Hưng Nguyên "Trong hội có người trúng nhất trường, nhị trường, tam trường, trúng Cử nhân mời bản hội tề tựu tại nhà, Câu đương chỉnh biện 1 đôi câu đối, 100 quả cau, 4 hũ rượu, 1 quan tiền, 1 bánh pháo đến chúc mừng; Trong hội người nào trúng Tú tài câu đương chỉnh biện 1 câu đối vải đỏ, trầu rượu, 1 quan tiền đến chúc mừng" (乂安省興元府都安總安福社俗例, AF b1/3, tr.34a). Thông thường Hội Tư văn có nhiều mức chúc mừng khác nhau với những người đỗ đạt, đỗ càng cao mừng càng lớn. Hội Tư văn thôn Phúc Long, tổng Hải Đô, phủ Hưng Nguyên "Người trúng Tú tài mừng 1 cờ, 3 quan tiền xanh, 1 hũ rượu, 100 quả cau; trúng Cử nhân mừng 1 đôi câu đối bằng lụa mộc màu đỏ, 6 quan tiền, 1 hũ rượu; trúng Đại khoa mừng 1 bức trướng bằng vải lụa gấm đỏ, 30 quan tiền, 1 hũ rượu, 1 buồng cau. Người nào được nhận bằng sắc lễ mừng cũng có khác nhau: ngạch văn từ cửu phẩm võ từ bát phẩm trở lên mừng như Tú tài; văn từ bát phẩm võ từ thất phẩm trở lên mừng như Cử nhân; văn võ từ thất, bát phẩm trở lên cùng tùy theo chiếu biện". Người đỗ càng cao càng được chúc mừng nhiều. Hội Tư văn thôn Thạch Tiền, tổng Hải Đô "Mừng Tú tài 5 quan tiền, 1 cờ cùng trầu rượu, mừng Cử nhân 1 bức trướng, 10 quan tiền cùng trầu, rượu, mừng Phó bảng 12 quan tiền, 1 bức trướng, trầu rượu, mừng Tiến sĩ 15 quan tiền, 1 cờ vuông, trầu rượu".

2.5. Biếu phần và vị trí nơi đình trung: Hội Tư văn là tổ chức của những người có học, khoa bảng của địa phương, vì vậy hội viên trong hội thường là những người đỗ đạt. Hội Tư văn Thượng xã Bùi Khổng, tổng Hải Đô quy định về việc biếu đồ tế lễ "Thủ lợn tế chia làm 3 phần, 2 phần có lưỡi biếu người đỗ đại khoa, chưa có đại khoa biếu cử nhân, tú tài, chưa có biếu khóa sinh; Cổ lợn chia làm 2 phần, một nửa biếu người hành lễ, còn 1 nửa phân làm 2, 1 phần biếu sĩ tử có học lực, 1 phần biếu người danh sắc, chánh phó lý trưởng". Thôn Như Bách, tổng Thanh Viên, huyện Quỳnh Lưu quy định "Ai thi trúng Tú tài phàm các tiết thờ thần kính biếu nửa thủ con vật tế, còn một nửa biếu Hội Tư văn" (瓊王留縣各社鄉例, VHv. 2675/2). Lệ Hội Tư văn thôn Thượng, xã Yên Phúc, tổng Đô Yên "Bản xã ngày Xuân Thu tế, thủ con vật tế chia 3 phần, 1 phần biếu khoa trường sắc mệnh, 1 phần biếu bàn lão của bản hội, 1 phần biếu chủ tế" (安福社俗例, AF.b1/3, t.27a).

Đình là nơi tập trung uy quyền lớn nhất của làng, nơi thực thi các nghi thức cúng rước thần, tổ chức lễ hội, hát xướng, ăn khao, hội họp chức sắc... Vì vậy, thứ bậc ở đình trung hết sức quan trọng, được xem như tiểu triều đình, thể hiện sự vinh dự, hãnh diện của bản thân, sự trân trọng của dân làng. Từ bao đời nay, ở nhiều làng quê Việt Nam, một trong những biểu hiện của văn hóa làng là tục trọng xỉ. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những triết lý Nho gia, dân gian thường có câu "triều đình trọng tước, hương đảng trọng xỉ" (triều đình xem trọng chức tước, hương đảng xem trọng tuổi tác), trọng xỉ đã hình thành và phát triển thành văn hóa làng. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện, quan niệm của từng nơi mà nó được biểu hiện khác nhau[6]. Người Nghệ An rất coi trọng khoa bảng, những người đỗ đạt khoa trường, những người trong Hội Tư văn đều được giành chỗ ngồi trang trọng nơi đình trung. Lệ Hội Tư văn thôn Thành Công, tổng Đô Yên phủ, Hưng Nguyên quy định thứ tự chỗ ngồi "Lệ bản hội chiếu theo hễ người (đậu) khoa trường (nhận) sắc mệnh, văn giai võ giai và người trúng nhất, nhị, tam trường trở lên ngồi sau các vị Hương hào, Lý dịch" (乂安省興元府都安總成功村俗例, AF.b1/4, t.30a).

2.6. Ruộng Tư văn: Hội Tư văn nhiều địa phương đặt quy định về việc đặt ruộng của hội. Số ruộng đó có thể dùng để chi vào việc tế tự, mừng thưởng người đỗ đạt trong Hội. Hội Tư văn thôn Phúc Hậu quy định "Lệ định trong thôn cả năm có hai kỳ tế

đinh Xuân, Thu, từ đời trước đến nay các vị tiền nhân có cúng 1 thửa ruộng 6 sào đặt làm ruộng Tư văn. Phàm người nào có học, xin nhập Hội Tư văn cứ luân phiên theo thứ tự tự đầu đến cuối nhận canh tác. Hàng năm người nhận canh tác đó mời bản thôn đến tập trung ở đình bản thôn chiếu theo số ruộng nhận canh tác mà mua sắm lễ vật" (福厚村俗例 , AF.b1/16, t.3b). Thôn Khoa Đà, tổng Hải Đô, thôn Nghĩa Sơn, tổng Hải Đô, phủ Hưng Nguyên "Bản thôn có 2 sào 5 thước, 3 tấc ruộng đặt làm ruộng tư văn, phàm người nào theo học, nhập hội văn lần lượt luân lưu canh tác.

Hội Tư văn thôn Quỳnh Đôi quy định "Ngày 14 tháng 12 năm Cảnh Hưng 35 (1774) cùng nhau bàn bạc: hễ là ruộng tế của Hội Tư văn ước lấy 10 mẫu làm hạn. Từ nay về sau người nào mới trúng tam trường, nhà có ruộng đất, nên cho nộp ruộng thay tiền vọng, tính ruộng là 1 sào 5 khẩu là đủ hạn định. Ruộng tế đó hàng năm thay tiền nộp thuế mỗi sào 2 quan 30 văn, bất kể được mùa hay mất mùa, không được tăng hay giảm. Còn như thuế ruộng hoa màu nên nộp tiền 1 mạch, người hưởng hoa màu đó cũng nộp 30 văn". Thôn Nghĩa Sơn, tổng Phù Long, phủ Hưng Nguyên vốn "từ trước đến nay các vị tiền bối có cúng ruộng 1 mẫu 2 sào đặt làm ruộng Tư văn. Phàm người nào có học, xin nhập hội Tư văn cứ luân phiên theo thứ tự tự đầu đến cuối nhận canh tác. Hàng năm, người nhận canh tác đó đến tập trung ở đình bản thôn chiếu theo số ruộng nhận canh tác mà mua sắm lễ vật" (義山村俗例, AF.b1/16, t.5b - 6a).

3. Kết luận

Qua nguồn tục lệ Hán Nôm chúng ta hiểu rõ hơn về những quy định trong hoạt động của Hội Tư văn tỉnh Nghệ An. Với vai trò là tổ chức hội của những người tri thức tại địa phương, Hội Tư văn ra đời động viên, khích lệ tinh thần, truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo tại các làng xã. Hội Tư văn tỉnh Nghệ An là tổ chức hội ra đời khá sớm, từ thế kỷ 17, với cơ cấu tổ chức rõ ràng, quy chế, quy định hoạt động khá chặt chẽ về việc tế tự, lễ tiết, vinh quy, chúc mừng, biếu phần, đặt ruộng tư văn… Hoạt động của Hội Tư văn Nghệ An gắn liền với sinh hoạt làng xã, khiến cho các hoạt động của các làng xã trở nên phong phú hơn, quy củ, chặt chẽ hơn. Tư liệu về Hội Tư văn các cấp của Nghệ An là nguồn tư liệu quý, góp phần tìm hiểu về quy định, chính sách của các làng xã cổ truyền, bên cạnh những văn bản hành chính cấp nhà nước./.

Chú thích:

(1) Trương Thị Yến (chủ biên) (2017), Lịch sử Việt Nam, tập 5, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.167.

(2) Tiên hiền từ bi 先贤祠碑, kí hiệu N^{0}11993- 4 đặt tại đền thờ Tiên hiền xã Ninh Duy, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

(3) Vũ Duy Mền (2010), Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.187.

(4) Nguyễn Hữu Mùi, 2016, Tìm hiểu về Hội Tư văn và vai trò của hội trong hoạt động làng xã qua nguồn tài liệu bi kí, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 3, tr.3-11.

(5) 乂安省興元府都安總安福社俗例, Afb1/3; 琼堆今事跡鄉编小引, A.3154; 義山村俗例 và 福厚村俗例, AF.b1/16.

(6) Đỗ Thị Hà Thơ, 2009, Tục trọng xỉ trong văn bản hương ước chữ Hán Triều Tiên thế kỷ XVII, XVIII, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 3, tr.69-743.

Tài liệu tham khảo:

1. Ninh Viết Giao chủ biên (1998), *Hương ước Nghệ An*, Nxb. Chính Trị Quốc Gia.

2. Nguyễn Hữu Mùi (2016), Tìm hiểu về Hội Tư văn và vai trò của hội trong hoạt động làng xã qua nguồn tư liệu bi ký, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử,* số 3 (479), tr.3-12.

3. Nguyễn Tá Nhí chủ trì (2010), *Tư liệu văn hiến Thăng Long Hà Nội - Tuyển tập hương ước tục lệ*, Nxb. Hà Nội.

4. Trần Nghĩa chủ biên (2002), *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu, Bổ di I, Q.Hạ,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

5. Vũ Duy Mền (2010), *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ,* Nxb. Chính trị quốc gia.

6. Đinh Khắc Thuân (chủ biên) (2006), *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam,* Nxb Khoa học xã hội.

7. Văn bia, tục lệ chữ Hán tỉnh Nghệ An lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.